TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2023/HNGĐ-PT
Ngày:09/03/2023
V/v "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hương**
Các Thẩm phán: Bà **Đỗ Thị Nhung**
Bà **Trần Thị Thanh Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Trần Thị Loan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 03 tháng 03 và ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2021/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/QĐ-PT ngày 28/11/2022, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 872/TB-TA ngày 07/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 71a/QĐ-PT ngày 28/12/2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 21/TB-TA ngày 09/02/2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông **Đỗ N**, sinh năm 1971.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 2626, tổ 4, ấp P, Xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ tạm trú: Số nhà 2120, tổ 1, ấp Thanh Thọ 1, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Sơn H, sinh năm 1963; Địa chỉ: 33/1, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai(Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2021)

- *Bị đơn*: Bà **Đinh Thị N**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà 2626, tổ 4, ấp P, Xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần L, sinh năm 1966 (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2022).

Địa chỉ: Số 34, đường P, TDP 8, Thị Trấn M, huyện H, tỉnh Lâm Đồng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đỗ Q, sinh năm 1997
2. Đỗ M, sinh năm 2003
3. Đỗ G, sinh năm 2005.
4. Đỗ M, sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp của cháu M, G, M: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà 2626, tổ 4, ấp P, Xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Do có đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ N và kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị N.

(Ông H, bà N, ông L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn trình bày:

Ông Nvà bà N chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn ngày 29/8/1996 tại UBND xã Phú Lâm, huyện Tân Phú. Hôn nhân của hai người là hợp pháp. Ngày 02/2/2015 bà N nộp đơn xin ly hôn, ngày 02/6/2015 Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã xét xử cho bà N được ly hôn với ông N theo bản án số 29/HNGĐ-ST. Tại phần quyết định của bản án phần nuôi con chung, Tòa án đã giao 04 con chung cho bà N nuôi dưỡng gồm: Đỗ Q, sinh năm 1997; Hoàng Thái Minh , sinh ngày 26/5/2003; Đỗ G, sinh ngày 30/7/2005; Đỗ M, sinh ngày 02/9/2011, tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết miễn xét.

Nay ông Nkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của ông và bà N tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm máy phát điện, máy tiện, máy hàn, máy cắt kim loại, máy khoan bàn, máy nén thủy lực cùng căn nhà và toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 8 (loại đất thổ cư) tọa lạc tại ấp Phú Dũng, xã Phú Bình, huyện Tân Phú. Nguồn gốc diện tích đất này trước đây ông và N nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn H với số tiền 130.000.000đồng, do không biết chữ nên ông để bà N giao dịch mua bán với bà Huệ, bà N không có việc làm chỉ ở nhà nội trợ ông là lao động chính trong gia đình, tiền mua đất do ông làm nghề sửa xe cùng với việc mua bán xe cũ giao cho bà N quản lý.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/8/2018 ông yêu cầu Tòa án giải quyết được chia 60% giá trị tài sản. Theo chứng thư thẩm định giá số 1274/1/TĐG-CT ngày 15/5/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thì tổng giá trị tài sản là 3.266.755.200đ, Riêng những tài sản gồm máy bấm ống thủy lực, 04 súng

bắn hơi, ròng rọc, 02 máy khoan tay, bộ hàn xì gió đá thì tại thời điểm thẩm định giá không còn nữa, nên ông không yêu cầu giải quyết. Hiện nay bà N đang nuôi 03 người con chưa thành niên và đồng thời đây là chỗ ở duy nhất của bà N, ông làm nghề sửa chữa xe ô tô cũng cần có đất mặt bằng để làm bãi đậu xe để sửa chữa nhưng ông Nđồng ý giao toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8 cùng tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 để bà N sở hữu, quản lý sử dụng. Ông Nyêu cầu được quản lý sử dụng đối với các máy móc gồm: Máy phát điện, máy tiện, máy hàn, máy cắt kim loại, máy khoan bàn, máy nén thủy lực có giá trị là 37.000.000đ. Yêu cầu bà N thanh toán số tiền chênh lệch còn lại cho ông.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông cấp dưỡng một lần cho cả 3 cháu; Đỗ M, sinh ngày 26/5/2003; Đỗ G , sinh ngày 30/7/2005; Đỗ M, sinh ngày 02/9/2011, với hình thức cấp dưỡng 01 (một) lần số tiền tổng cộng cho cả 03 (ba) cháu là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) thì ông không đồng ý vì hiện tại ông đang làm thuê tại cơ sở gara xe của ông Trần Quốc Vũ với mức thu nhập trung bình hàng tháng là 10.000.000đ, do đây là cơ sở nên không có bảng lương. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cả 3 cháu mỗi tháng số tiền 6.000.000đ (mỗi con chung là 2.000.000đ/ tháng), thời điểm cấp dưỡng khi vụ án chia tài sản của chung được giải quyết xong và bản án có hiệu lực thi hành.

Ông thừa nhận cháu Đỗ M là con chung của ông và bà Đinh Thị N nên đối với yêu cầu giám định ADN của bà N ông không đồng ý.

Đối với kết quả thẩm định giá Theo chứng thư thẩm định giá số 1274/1/TĐG-CT ngày 15/5/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai. Ông đồng ý chỉ định giá diện tích đất thổ cư là 282,6m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 21/11/2003, đối với trích lục và đo thửa đất số 3286/2018 ngày 07/11/2018 của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Tân Phú đã cấp nhật chỉnh lý biến động thường xuyên thì diện tích đất được cấp là 395,1m2, diện tích đất ở nông thôn là 295,8m2, đất quy hoạch hành lang an toàn giao thông là 99,3m ông không có ý kiến gì và không yêu cầu định giá lại.

Đối với chi phí tố tụng mà ông đã tạm ứng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn trình bày:

Bà N thừa nhận về thời điểm sống chung và việc đăng ký kết hôn, ly hôn như ông Nkhai là đúng.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông N. Bà thừa nhận tài sản chung của bà và ông Ntạo ra trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà và công trình phụ được xây dựng trên diện tích đất thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã Phú Bình cùng các tài sản khác như máy tiện, máy bấm thủy lực, máy nén hơi, máy hàn, máy cắt, súng bắn hơi. Riêng diện tích đất thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 8 (loại đất thổ cư) tọa lạc tại ấp Phú Dũng, xã Phú Bình, huyện Tân Phú là tài sản riêng

của bà, diện tích đất này bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Hngày 14/11/2003 với số tiền 130.000.000đồng. Nguồn gốc số tiền bà mua đất là sau khi cưới bà còn giữ lại 5,8 lượng vàng 24k 99%, 01 ít nữ trang vàng tây và 01 ít tiền mặt. Đồng thời bác họ của bà là Đinh Viết Hàn có cho bà mượn 100.000.000đ khi cho mượn chỉ nói miệng không làm giấy tờ, hiện nay bác đã chết và đồng ý cho bà số tiền này, bà không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Ngày 21/11/2003 bà được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi bà mua đất thì trên đất đã có 01 căn nhà 02 gian lợp tôn, mua xong thì bà và ông Nmới đổ đất, xây tường và sửa lại để ở. Nhà và đất cùng các tài sản khác do bà đang quản lý sử dụng.

Bà có đơn yêu cầu phản tố về cấp dưỡng nuôi con, cụ thể bà yêu cầu ông Ncấp dưỡng 01 lần đối với 3 con chung là Đỗ M, Đỗ G, Đỗ M số tiền là 700.000.000đ, mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 02/6/2015 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Diện tích đất thuộc thửa 62 tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Phú bình là tài sản riêng của bà nên bà không đồng ý định giá. Đối với kết quả định giá Theo chứng thư thẩm định giá số 1274/1/TĐG-CT ngày 15/5/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai bà không có ý kiến riêng gì.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/8/2018, ý kiến của người làm chứng bà Nguyễn Htrình bày:

Diện tích đất bà chuyển nhượng cho bà N nguồn gốc do cha mẹ bà khai phá và để cho chị em bà thừa kế, anh chị em bà đồng ý để bà kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi bán đất cho bà N thì bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền quyền dụng đất nên 4 anh chị em bà ký giấy mua bán đất viết tay cho bà N, sau khi bà được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ngày 14/11/2003 bà trực tiếp làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho bà Đinh Thị N, lúc sang nhượng đất cho bà N thì bà trực tiếp giao dịch và nhận tiền từ bà N, bà chỉ ký hợp đồng chuyển nhượng tại UBND xã với bà N còn tài sản chung hay tài sản riêng của bà N thì bà không biết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã căn cứ vào:

- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 3 Điều 157; khoản 2, 6 Điều 165; Điều 213; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 246; Điều 235; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 213, 219, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Các Điều 29, 33, 59, 82,110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 5, khoản 6 Điều 27, Điều 47, 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ N về việc "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" đối với bà Đinh Thị N.

1.1. Xác định tài sản chung của ông N, bà N gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 395,1m^2 (*Theo Trích lục và đo thửa đất bản đồ địa chính số 3826/2018 ngày 07/11/2018 có diện tích 395,1m^2, trong đó diện tích nằm trong quy hoạch hành lang an toàn giao thông 99,3m^2, diện tích đất còn lại là 295,8m^2)* tại thửa 62 tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã Phú Bình, trên đất có căn nhà diện tích xây dựng 124,4m^2 tường xây gạch, mái tôn, nền gạch ceramic và toàn bộ công trình phụ trên diện tích đất 282,6m^2 thuộc thửa số 62, tờ bản đồ 08 tọa lạc tại tại Phú Dũng, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Tổng giá trị tài sản là 3.229.755.200 đồng.

- Máy phát điện, máy tiện, máy hàn, máy cắt kim loại, máy khoan bàn, máy nén thủy lực, trị giá là 37.000.000đ

1.2. Giao ông Đỗ N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với các tài sản gồm: Máy phát điện, máy tiện, máy hàn, máy cắt kim loại, máy khoan bàn, máy nén thủy lực

1.3. Giao cho bà Đinh Thị N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng căn nhà diện tích xây dựng trên diện tích đất 124,4m^2 tường xây gạch, mái tôn, nền gạch ceramic và toàn bộ công trình phụ trên diện tích đất 282,6m^2 thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 08 (có 127m^2 thuộc quy hoạch giao thông không được cấp), tại Phú Dũng, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. *(Theo Trích lục và đo thửa đất bản đồ địa chính số 3826/2018 ngày 07/11/2018 có diện tích 395,1m^2, trong đó diện tích nằm trong quy hoạch hành lang an toàn giao thông 99,3m^2, diện tích đất còn lại là 295,8m^2).*

1.4. Bà Đinh Thị N phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Đỗ N giá trị tài sản chênh lệch là 1.433.039.840 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi ba triệu không trăm ba mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi đồng).

1.5. Bà Đinh Thị N và ông Đỗ N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện thủ tục đăng ký biến động về diện tích đất theo quy định pháp luật về quản lý đất đai.

2. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đinh Thị N về việc "Tranh chấp về cấp dưỡng" đối với ông Đỗ N.

2.1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc ông Đỗ N đồng ý cấp dưỡng nuôi con đối với 03 con chung Đỗ M, sinh ngày 26/5/2003, Đỗ G, sinh

ngày 30/7/2005, Đỗ M, sinh ngày 02/9/2011 với số tiền là 6.000.000đ/tháng.(Mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2020.

2.2. Đối với cháu Đỗ Q, sinh ngày 02/8/1997 hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét.

2.3. Việc xác định tài sản riêng, tài sản chung của bà N và ông Nđối với những tài sản do ông N đập phá sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 28/12/2020, nguyên đơn ông Đỗ N kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng ông Nđược hưởng 60% giá trị tài sản chung, bà N chỉ được hưởng 40% giá trị khối tài sản chung.

Ngày 31/12/2020, Bị đơn bà Đinh Thị N kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng buộc ông Đỗ N phải có trách nhiệm trả các khoản nợ mà bà N đã vay trong thời gian nuôi 04 con chung tổng số tiền 597.000.000đ. Yêu cầu cấp phúc thẩm xác định quyền sử dụng đất tại thửa số 62, tờ bản đồ số 08,diện tích 409,6m^2 tọa lạc tại ấp Phú Dũng, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai là tài sản riêng của bà N, không phải là tài sản chung.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Tài sản chung là diện tích đất 409,6m^2, thửa số 62, tờ bản đồ 08 tọa lạc tại xã Phú Bình, Tân Phú, Đồng Nai (diện tích được cấp 282,6m^2, diện tích không được cấp 127m^2 đất lộ giới) nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn H năm 2003 trong thời kỳ hôn nhân. Năm 2009 ông N, bà N xây dựng nhà trên đất. Bị đơn bà N cho rằng quyền sử dụng đất trên là tài sản riêng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Tuy nhiên từ khi ly hôn, bà N là người nuôi con, tôn giữ tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản theo tỷ lệ 45:55 là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi cho bà N. Tại phiên tòa phúc thẩm ông N có đơn yêu cầu thẩm định giá tài sản, do bà N sử dụng tài sản nên có trách nhiệm thanh toán lại cho ông N giá trị nhà, đất ông Nđược hưởng. Từ những nhận định trên đề nghị HĐXX tuyên sửa bản án sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo

hướng không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ N về việc yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ ông Nhưởng 60%, bà N hưởng 40% giá trị khối tài sản chung. Tuy nhiên do ông yêu cầu Thẩm định giá lại tài sản chung và được bà N đồng ý do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Nchia tài sản chung theo chứng thư thẩm định giá số 207/TĐG-CT ngày 07/9/2022. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[1.2] Nguyên đơn ông Đỗ N và bị đơn bà Đinh Thị N gửi đơn kháng cáo trong thời hạn và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị N: Tại phiên tòa phúc thẩm bà N thay đổi yêu cầu kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8 tại xã Phú Bình, huyện Tân Phú theo hướng bà N được hưởng 75%, ông N25/%.

Xét thấy, Ông Nvà bà N đăng ký kết hôn ngày 29/8/1996. Đến ngày 14/11/2003 bà N nhận chuyển nhượng diện tích đất 409,6m^2 của bà Nguyễn Hvới số tiền là 130.000.000đ. Theo ông Nkhai vì ông không rành về chữ nghĩa nên để 01 mình bà N đứng ra ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 21/11/2003, Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N với diện tích 409,6m^2, thửa số 62, tờ bản đồ 08 tọa lạc tại xã Phú Bình, Tân Phú, Đồng Nai (diện tích được cấp 282,6m^2, diện tích không được cấp 127m^2 đất lộ giới). Năm 2009, ông Nbà N xây nhà trên đất. Bà N trình bày diện tích đất trên là tài sản riêng của bà nhận chuyển nhượng từ bà Huệ nguồn tiền bà được bác họ cho và vàng cưới của bà, nhưng bà N không cung cấp được tài liệu căn cứ chứng minh nguồn tiền để mua tài sản trên. Mặt khác, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn, ông Nđều ký tên là đồng sở hữu tài sản thế chấp sau khi có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và đã ủy quyền cho bà N thực hiện các giao dịch có liên quan (biên bản xác minh ngày 28/8/2019; 30/8/2019). Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ N chia tài sản chung là diện tích đất 409,6m^2 thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 8 (loại đất thổ cư) tọa lạc tại ấp Phú Dũng, xã Phú Bình, huyện Tân Phú và công trình xây dựng trên đất theo tỷ lệ ông Nlà 45%, bà N là 55% dựa vào công sức đóng góp tài sản là có căn cứ, đúng quy định.

Tại cấp phúc thẩm ông Đỗ N có đơn yêu cầu thẩm định giá lại tài sản tranh chấp là thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8 tại xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, bà Đinh Thị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu thẩm định giá lại tài sản của ông N.

Do Chứng thư thẩm định giá số 1274/1/TĐG-CT ngày 15/5/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai là quá thời hạn 06 tháng theo quy định nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Nvà căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số 207/TĐG-CT ngày 07/9/2022 làm căn cứ để chia tài sản chung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo chứng thư thẩm định giá số 207/TĐG-CT ngày 07/9/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến thì giá trị tài sản thẩm định: Quyền sử dụng đất: 3.956.400.000đ, công trình xây dựng trên đất: 385.946.050đ, tổng giá trị tài sản là 4.342.000.000đ. Như vậy, phần giá trị tài sản ông Nđược nhận là 1.953.900.000đ do bà N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng quyền sử dụng diện tích đất căn nhà diện tích xây dựng trên diện tích đất 124,4m^2 tường xây gạch, mái tôn, nền gạch ceramic và toàn bộ công trình phụ trên diện tích đất 282,6m^2 thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 08 (có 127m^2 thuộc quy hoạch giao thông không được cấp), tại Phú Dũng, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. *(Theo Trích lục và đo thửa đất bản đồ địa chính số 3826/2018 ngày 07/11/2018 có diện tích 395,1m^2, trong đó diện tích nằm trong quy hoạch hành lang an toàn giao thông 99,3m^2, diện tích đất còn lại là 295,8m^2)* nên bà N có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Đỗ N số tiền 1.953.900.000đ – 37.000.000đ (Máy phát điện, máy tiện, máy hàn, máy cắt kim loại, máy khoan bàn, máy nén thủy lực ông Nlà người sử dụng) = 1.916.900.000đ

Đối với kháng cáo của bà N về việc yêu cầu ông Ncấp dưỡng tiền nuôi con một lần nhận thấy: Hiện tại ông Nco công việc không ổn đinh, thu nhập của ông khoảng 10 triệu/ tháng. Tại cấp sơ thẩm ông Nđã tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 6 triệu đồng/tháng/3 cháu, xét thấy mức cấp dưỡng này là phù hợp để đảm bảo cuộc sống tối thiểu cho ông N. Do đó kháng cáo yêu cầu ông Nphải cấp dưỡng một lần là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo của ông Đỗ N yêu cầu được hưởng 60% giá trị tài sản chung, bà N chỉ được hưởng 40% giá trị khối tài sản chung là không có căn cứ do bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục 03 con chưa thành niên đang đi học, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bà N sức khỏe yếu hay bị bệnh, quá trình quản lý tài sản bà N không có hành vi phá tán tài sản, bà N cũng có công sức đóng góp vào việc gìn giữ, bảo vệ làm nâng cao giá trị đất.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ N về giá trị tài sản được chia theo chứng thư thẩm định giá số 207/TĐG-CT ngày 07/9/2022

của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị N, sửa một phần bản án sơ thẩm về giá trị tài sản được chia.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông N, bà N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về yêu cầu chia tài sản chung là 70.617.000 đồng (36.000.000đ + (3% x 1.953.900.000đ-800.000.000đ) và 300.000đ án phí không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng ông N phải chịu 70.917.000đ đồng.

Bà N được nhận giá trị tài sản là 2.388.100.000 đồng. Do đó phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 79.762.000đồng (72.000.000đ + (2% x 388.100.000đ).

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ N; Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị N.

Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 3 Điều 157; khoản 2, 6 Điều 165; Điều 213; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 246; Điều 235; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 213, 219, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Các Điều 29, 33, 59, 82,110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 5, khoản 6 Điều 27, Điều 47, 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ N về việc "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" đối với bà Đinh Thị N.

Giao ông Đỗ N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với các tài sản gồm: Máy phát điện, máy tiện, máy hàn, máy cắt kim loại, máy khoan bàn, máy nén thủy lực.

Giao cho bà Đinh Thị N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng căn nhà diện tích xây dựng trên diện tích đất 124,4m^2 tường xây gạch, mái tôn, nền gạch ceramic và toàn bộ công trình phụ trên diện tích đất 282,6m^2 thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 08 (có 127m^2 thuộc quy hoạch giao thông không được cấp), tại Phú Dũng, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. *(Theo Trích lục và đo thửa đất bản đồ địa chính số 3826/2018 ngày 07/11/2018 có diện tích 395,1m^2, trong đó diện tích nằm trong quy hoạch hành lang an toàn giao thông 99,3m^2, diện tích đất còn lại là 295,8m^2).*

Bà Đinh Thị N phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Đỗ N giá trị tài sản chênh lệch là 1.916.900.000đ (Một tỷ chín trăm mười sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

Bà Đinh Thị N và ông Đỗ N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện thủ tục đăng ký biến động về diện tích đất theo quy định pháp luật về quản lý đất đai.

2. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đinh Thị N về việc "Tranh chấp về cấp dưỡng" đối với ông Đỗ N.

Ghi nhận việc ông Đỗ N đồng ý cấp dưỡng nuôi con đối với 03 con chung Đỗ M, sinh ngày 26/5/2003, Đỗ G, sinh ngày 30/7/2005, Đỗ M, sinh ngày 02/9/2011 với số tiền là 6.000.000đ/tháng. (Mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2020.

Đối với cháu Đỗ Q, sinh ngày 02/8/1997 hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Đỗ N phải chịu 13.776.500 đồng (mười ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm đồng), bà N phải chịu 16.838.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm ba mươi tám ngàn đồng). Do ông Nđã nộp các chi phí này nên bà N phải hoàn trả cho ông Nsố tiền 16.838.000đ (Mười sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về yêu cầu chia tài sản chung là 70.617.000 đồng (36.000.000đ + (3% x 1.953.900.000đ-800.000.000đ) và 300.000đ án phí không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng ông Nphải chịu 70.917.000đ (Bảy mươi triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng).

Bà N được nhận giá trị tài sản là 2.388.100.000 đồng. Do đó phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 79.762.000đ (Bảy mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ N không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nsố tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông Nđã nộp theo biên lai thu tiền số 0003928 ngày 04/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân phú.

Bà Đinh Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003927 ngày 04/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân phú.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Tân Phú;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Thu Hương